

b) Việc quy định trả lương cho từng bộ phận, cá nhân người lao động theo quy chế chủ yếu phụ thuộc vào năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác, giá trị cống hiến của từng bộ phận, cá nhân người lao động, không phân phối bình quân. Đối với lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, giỏi, giữ vai trò và đóng góp quan trọng cho việc hoàn thành nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của đơn vị thì mức tiền lương và thu nhập phải được trả thỏa đáng. Đối với lao động làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ giản đơn, phổ biến thì mức lương được trả cần cân đối với mức lương của lao động cùng loại trên địa bàn, không tạo ra sự chênh lệch thu nhập quá bất hợp lý, gây mất công bằng xã hội. Chênh lệch về tiền lương và thu nhập giữa lao động phục vụ, giản đơn với lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, giỏi trong nội bộ đơn vị do đơn vị xem xét quy định cho phù hợp, bảo đảm chống phân phối bình quân.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ nội dung hướng dẫn tại Thông tư này, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo các doanh nghiệp chấn chỉnh công tác quản lý lao động, tiền lương và thu nhập, xây dựng và đăng ký định mức lao động, xây dựng đơn giá tiền lương trình cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý thẩm định đúng nội dung và thời hạn.

Đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa, nếu có nguyện vọng thì được áp dụng Thông tư này sau khi được Hội đồng quản trị nhất trí.

2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2001, thay thế Thông tư số 13/LĐTBXH-TT ngày 10/4/1997 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp xây dựng đơn giá tiền lương và quản lý tiền lương, thu nhập trong doanh nghiệp nhà nước.

Trong quá trình thực hiện, có gì vướng mắc, đề nghị các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các doanh nghiệp nhà nước phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, giải quyết./.

Bộ trưởng  
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

NGUYỄN THỊ HẰNG

## THÔNG TƯ số 06/2001/TT-BLĐTBXH ngày 29/1/2001 hướng dẫn tính tốc độ tăng năng suất lao động bình quân và tốc độ tăng tiền lương bình quân trong các doanh nghiệp nhà nước.

Thực hiện Nghị định số 03/2001/NĐ-CP ngày 11/1/2001 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/CP ngày 28/3/1997 của Chính phủ về đổi mới quản lý tiền lương, thu nhập trong các doanh nghiệp nhà nước; sau khi trao đổi ý kiến với Bộ Tài chính và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn tính tốc độ tăng năng suất lao động bình quân và tốc độ tăng tiền lương bình quân để xác định đơn giá tiền lương trong các doanh nghiệp nhà nước như sau:

### I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Là các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị của Nhà nước được cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý thẩm định và giao đơn giá tiền lương, bao gồm:

- Doanh nghiệp nhà nước hoạt động sản xuất, kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp nhà nước;



- Doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích theo Luật Doanh nghiệp nhà nước (kể cả các tổ chức, đơn vị hoạt động theo quy định tại Nghị định số 56/CP ngày 02/10/1996 của Chính phủ và Thông tư số 01/BKH-DN ngày 29/1/1997 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhưng chưa có quyết định là doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích;

- Các tổ chức, các đơn vị được phép hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc các cơ quan hành chính, sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, các Hội quần chúng tự trang trải về tài chính.

Các đối tượng trên gọi chung là doanh nghiệp nhà nước.

## II. XÁC ĐỊNH NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG BÌNH QUÂN VÀ TỐC ĐỘ TĂNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG BÌNH QUÂN

### 1. Nguyên tắc:

- Đơn giá tiền lương tính theo chỉ tiêu hiện vật thì năng suất lao động tính bằng hiện vật; đơn giá tiền lương tính theo chỉ tiêu giá trị thì năng suất lao động tính bằng giá trị;

- Doanh nghiệp xây dựng để thẩm định bao nhiêu đơn giá tiền lương thì phải xác định tương ứng bấy nhiêu năng suất lao động.

### 2. Chỉ tiêu tính năng suất lao động:

- Năng suất lao động tính bằng hiện vật là số lượng sản phẩm, kể cả sản phẩm quy đổi, trong năm tính bình quân đầu người;

- Năng suất lao động tính bằng giá trị là tổng doanh thu (hoặc doanh số) trong năm tính bình quân đầu người.

Riêng đối với các ngân hàng thương mại, chỉ tiêu năng suất lao động tính bằng giá trị là tổng nguồn vốn huy động, dư nợ cho vay, doanh số cho vay, thu nợ, doanh số mua, bán ngoại tệ và

kim ngạch thanh toán trong năm, tính bình quân đầu người.

### 3. Cách tính năng suất lao động bình quân:

a) Năng suất lao động bình quân tính bằng hiện vật:

a.1) Năng suất lao động bình quân thực hiện năm trước liền kề, được tính theo công thức:

$$W_{th} = \frac{Q_{th}}{L_{tt}} \quad (1)$$

Trong đó:

-  $W_{th}$ : Năng suất lao động bình quân thực hiện năm trước liền kề tính bằng hiện vật;

-  $Q_{th}$ : Khối lượng sản phẩm (kể cả sản phẩm quy đổi) thực hiện (sản phẩm tiêu thụ) năm trước liền kề. Hệ số quy đổi sản phẩm phải được ghi cụ thể trong phần thuyết minh;

-  $L_{tt}$ : Tổng số lao động bình quân thực tế sử dụng của năm trước liền kề được tính theo hướng dẫn tại Thông tư số 08/TT-BLĐTBXH ngày 07/5/1998 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

*Ví dụ 1:* Khối lượng sản phẩm thực hiện năm 2000 để tính quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá được duyệt của doanh nghiệp là 36.000 tấn/năm; số lao động bình quân thực tế sử dụng năm 2000 là 1.200 người. Năng suất lao động bình quân tính bằng hiện vật thực hiện năm 2000 là:

$W_{th} = 36.000 \text{ tấn/năm} : 1.200 \text{ người} = 30 \text{ tấn/người-năm.}$

a.2) Năng suất lao động bình quân năm kế hoạch, được tính theo công thức:

$$W_{kh} = \frac{Q_{kh}}{L_{tkh}} \quad (2)$$



Trong đó:

-  $W_{kh}$ : Năng suất lao động bình quân tính bằng hiện vật năm kế hoạch;

-  $Q_{kh}$ : Khối lượng sản phẩm (kể cả sản phẩm quy đổi) tiêu thụ năm kế hoạch. Hệ số quy đổi sản phẩm phải được ghi cụ thể trong phần thuyết minh;

-  $L_{tkh}$ : Tổng số lao động bình quân thực tế sẽ sử dụng trong năm kế hoạch.

*Ví dụ 2:* Khối lượng sản phẩm kế hoạch năm 2001 của doanh nghiệp là 40.000 tấn/năm; số lao động bình quân thực tế sẽ sử dụng năm 2001 là 1.280 người. Năng suất lao động bình quân tính bằng hiện vật kế hoạch năm 2001 là:

$W_{kh} = 40.000 \text{ tấn/năm} : 1.280 \text{ người} = 31,25 \text{ tấn/người-năm}$ .

b) Năng suất lao động bình quân tính bằng giá trị:

b.1) Năng suất lao động bình quân thực hiện năm trước liền kề, được tính theo công thức:

$$W_{th} = \frac{T_{th}}{L_{dm}} \quad (3)$$

Trong đó:

-  $W_{th}$ : Năng suất lao động bình quân thực hiện tính bằng giá trị của năm trước liền kề;

-  $T_{th}$ : Tổng doanh thu (hoặc tổng doanh số) thực hiện năm trước liền kề. Đối với các ngân hàng thương mại là tổng nguồn vốn huy động; dư nợ cho vay; doanh số cho vay, thu nợ; doanh số mua, bán ngoại tệ và kim ngạch thanh toán thực hiện năm trước liền kề;

-  $L_{dm}$ : Số lao động định mức năm trước liền kề của doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền thẩm định theo phân cấp quản lý khi giao đơn giá tiền lương.

*Ví dụ 3:* Tổng doanh thu thực hiện năm 2000

của doanh nghiệp là 24 tỷ đồng; số lao động định mức năm 2000 được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phân cấp quản lý là 1.200 người. Năng suất lao động bình quân thực hiện tính bằng giá trị năm 2000 là:

$W_{th} = 24 \text{ tỷ đồng/năm} : 1.200 \text{ người} = 0,02 \text{ tỷ đồng/người-năm}$ .

b.2) Năng suất lao động bình quân kế hoạch, được tính theo công thức:

$$W_{kh} = \frac{T_{kh}}{L_{dmkh}} \quad (4)$$

Trong đó:

-  $W_{kh}$ : Năng suất lao động bình quân tính bằng giá trị của năm kế hoạch;

-  $G_{kh}$ : Tổng doanh thu (hoặc tổng doanh số) năm kế hoạch. Đối với các Ngân hàng thương mại là tổng nguồn vốn huy động; dư nợ cho vay; doanh số cho vay, thu nợ; doanh số mua, bán ngoại tệ và kim ngạch thanh toán năm kế hoạch;

-  $L_{dmkh}$ : Số lao động định mức năm kế hoạch do doanh nghiệp xây dựng theo quy định tại Thông tư số 14/LĐTBXH-TT ngày 10/4/1997 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

*Ví dụ 4:* Tổng doanh thu kế hoạch năm 2001 của doanh nghiệp là 26,8 tỷ đồng; số lao động định mức doanh nghiệp xây dựng năm 2001 là 1.280 người. Năng suất lao động bình quân kế hoạch tính bằng giá trị năm 2001 là:

$W_{kh} = 26,8 \text{ tỷ đồng/năm} : 1.280 \text{ người} = 0,0209 \text{ tỷ đồng/người-năm}$ .

4. Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân, được tính theo công thức:

$$I_w = \left( \frac{W_{kh}}{W_{th}} \times 100\% \right) - 100\% \quad (5)$$

Trong đó:

- $I_w$ : Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân;
- $W_{kh}$ : Năng suất lao động bình quân năm kế hoạch;
- $W_{th}$ : Năng suất lao động bình quân thực hiện năm trước liền kề.

*Ví dụ 5:* Kết hợp ví dụ 1, 2 và ví dụ 3, 4 nói trên thì tốc độ tăng năng suất lao động bình quân theo hiện vật hoặc theo giá trị năm 2001 của doanh nghiệp là:

- Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân tính bằng hiện vật năm 2001 so với năm 2000 là:

$$I_w = \left( \frac{31,25 \text{ tấn/người-năm}}{30 \text{ tấn/người-năm}} \times 100\% \right) - 100\% = 4,17\%$$

- Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân tính bằng giá trị năm 2001 so với năm 2000 là:

$$I_w = \left( \frac{0,0209 \text{ tỷ đồng/người-năm}}{0,02 \text{ tỷ đồng/người-năm}} \times 100\% \right) - 100\% = 4,5\%$$

### III. XÁC ĐỊNH TIỀN LƯƠNG BÌNH QUÂN VÀ TỐC ĐỘ TĂNG TIỀN LƯƠNG BÌNH QUÂN

#### 1. Xác định tiền lương bình quân thực hiện năm trước liền kề năm kế hoạch:

Tiền lương bình quân thực hiện năm trước liền kề năm kế hoạch, được xác định theo công thức:

$$TL_{th} = \frac{V_{th}}{L_{dm}} \quad (6)$$

Trong đó:

- $TL_{th}$ : Tiền lương bình quân thực hiện năm trước liền kề năm kế hoạch (đồng/người-tháng);

- $V_{th}$ : Quỹ tiền lương thực hiện năm trước liền kề năm kế hoạch của doanh nghiệp theo đơn giá được giao quy định tại Thông tư số 05/2001/TT-BLĐTBXH ngày 29/1/2001 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tư số 18/1998/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/1998 và Thông tư số 19/1998/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 14/8/1999 của liên tịch Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính;

- $L_{dm}$ : Số lao động định mức năm trước liền kề của doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền thẩm định theo phân cấp quản lý khi giao đơn giá tiền lương.

*Ví dụ 6:* Quỹ tiền lương thực hiện năm 2000 doanh nghiệp quyết toán theo đơn giá được giao là 18.000 triệu đồng/năm; số lao động định mức tương ứng với đơn giá tiền lương năm 2000 được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phân cấp quản lý là 1.000 người. Tiền lương bình quân năm 2000 thực hiện theo kế hoạch là:

$$TL_{th} = 18.000 \text{ triệu đồng/năm} : 1.000 \text{ người} : 12 \text{ tháng} \\ = 1,5 \text{ triệu đồng/người-tháng.}$$

**2. Tiền lương bình quân năm kế hoạch, được xác định theo công thức sau:**

$$TL_{kh} = \frac{V_{kh}}{L_{dmkh}} \quad (7)$$

Trong đó:

- $TL_{kh}$ : Tiền lương bình quân năm kế hoạch (đồng/người-tháng);

- $V_{kh}$ : Quỹ tiền lương năm kế hoạch để xác định đơn giá tiền lương do doanh nghiệp xây dựng theo quy định tại Thông tư số 05/2001/TT-BLĐTBXH ngày 29/1/2001 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- $L_{dmkh}$ : Số lao động định mức năm kế hoạch do doanh nghiệp xây dựng theo quy định tại Thông



tư số 14/LĐT BXH-TT ngày 10/4/1997 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

*Ví dụ 7:* Quỹ tiền lương kế hoạch để xác định đơn giá lương năm 2001 của doanh nghiệp là 20.500 triệu đồng/năm; số lao động định mức doanh nghiệp xây dựng tương ứng là 1.120 người. Tiền lương bình quân kế hoạch năm 2001 là:

$$\begin{aligned} TL_{kh} &= 20.500 \text{ triệu đồng/năm} : 1.120 \text{ người} : 12 \text{ tháng} \\ &= 1,5253 \text{ triệu đồng/người-tháng.} \end{aligned}$$

**3. Tốc độ tăng tiền lương bình quân, được tính theo công thức sau:**

$$I_{tl} = \left( \frac{TL_{kh}}{TL_{th}} \times 100\% \right) - 100\% \quad (8)$$

Trong đó:

- $I_{tl}$ : Tốc độ tăng tiền lương bình quân;
- $TL_{kh}$ : Tiền lương bình quân năm kế hoạch;
- $TL_{th}$ : Tiền lương bình quân thực hiện năm trước liền kề năm kế hoạch.

*Ví dụ 8:* Kết hợp ví dụ 6 và 7 nói trên thì tốc độ tăng tiền lương bình quân năm 2001 của doanh nghiệp là:

$$I_{tl} = \left( \frac{1,5253 \text{ triệu đồng/người-tháng}}{1,500 \text{ triệu đồng/người-tháng}} \times 100\% \right) - 100\% = 1,69\%$$

#### IV. XÁC ĐỊNH TỐC ĐỘ TĂNG TIỀN LƯƠNG BÌNH QUÂN GẮN VỚI TỐC ĐỘ TĂNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG BÌNH QUÂN

Khi xây dựng đơn giá tiền lương năm kế hoạch, để bảo đảm nguyên tắc tốc độ tăng tiền lương bình quân phải thấp hơn tốc độ tăng năng suất lao động bình quân, doanh nghiệp thực hiện như sau:

**1. Đối với doanh nghiệp có năng suất lao động kế hoạch thấp hơn năng suất lao động thực hiện năm trước liền kề** thì tiền lương bình quân kế hoạch tối đa để xác định đơn giá tiền lương bằng tiền lương bình quân thực hiện năm trước liền kề nhân với tốc độ tăng năng suất lao động. Công thức tính như sau:

$$TL_{kh \max} = TL_{th} \times \left( \frac{I_w + 100\%}{100\%} \right)$$

Trong đó:

- $TL_{kh \max}$ : Tiền lương bình quân kế hoạch tối đa để xác định đơn giá tiền lương;
- $TL_{th}$ : Tiền lương bình quân thực hiện năm trước liền kề năm kế hoạch;
- $I_w$ : Tốc độ tăng năng suất lao động.

*Ví dụ 9:* Năng suất lao động bình quân thực hiện năm 2000 của doanh nghiệp là 18,5 triệu đồng/người-năm; tiền lương bình quân thực hiện là 500.000 đồng/người-tháng. Kế hoạch năm 2001 năng suất lao động bình quân là 17,5 triệu đồng/người-năm, tiền lương bình quân kế hoạch tối đa để xác định đơn giá tiền lương năm 2001 là:

$$I_w = (17,5 : 18,5) \times 100\% - 100\% = - 5,4054\%$$

$$\begin{aligned} TL_{kh \max} &= 500.000 \text{ đồng/người-tháng} \times \left( \frac{- 5,4054\% + 100\%}{100\%} \right) \\ &= 472.973 \text{ đồng/người-tháng} \end{aligned}$$

**2. Đối với doanh nghiệp có năng suất lao động kế hoạch bằng năng suất lao động thực hiện năm trước liền kề** thì tiền lương bình quân kế hoạch tối đa để xác định đơn giá tiền lương năm 2001 bằng tiền lương bình quân thực hiện năm trước liền kề.

*Ví dụ 10:* Năng suất lao động thực hiện năm 2000 của doanh nghiệp là 24,6 triệu đồng/người-năm; tiền lương bình quân thực hiện là 550.000 đồng/người-tháng. Kế hoạch năm 2001 năng suất lao động là 24,6 triệu đồng/người-năm, tiền lương



bình quân kế hoạch tối đa để xác định đơn giá tiền lương năm 2001 là:

$$I_w = (24,6 : 24,6) \times 100\% - 100\% = 0\%$$

$$TL_{kh \max} = 550.000 \text{ đồng/người-tháng} \times \left( \frac{0\% + 100\%}{100\%} \right) \\ = 550.000 \text{ đồng/người-tháng}$$

**3. Đối với doanh nghiệp có năng suất lao động kế hoạch cao hơn năng suất lao động thực hiện năm trước liền kề** thì tiền lương bình quân kế hoạch tối đa để xác định đơn giá tiền lương năm kế hoạch được tính theo nguyên tắc: năng suất lao động bình quân tăng 1% thì tiền lương bình quân tăng tối đa là 0,8%. Công thức tính như sau:

$$TL_{kh \max} = TL_{th} + TL_{th} \times \frac{I_w}{100\%} \times 0,8$$

Trong đó:

- $TL_{kh \max}$ : Tiền lương bình quân kế hoạch tối đa để tính đơn giá tiền lương;
- $TL_{th}$ : Tiền lương bình quân thực hiện năm trước liền kề;
- $I_w$ : Tốc độ tăng năng suất lao động.

*Ví dụ 11:* Năng suất lao động thực hiện bình quân năm 2000 của doanh nghiệp là 24,6 triệu đồng/người-năm; tiền lương bình quân thực hiện là 550.000 đồng/người-tháng. Kế hoạch năm 2001 năng suất lao động bình quân là 26,8 triệu đồng/người-năm thì tiền lương bình quân kế hoạch tối đa để xác định đơn giá tiền lương năm 2001 là:

$$I_w = (26,8 : 24,6) \times 100\% - 100\% = 8,94\%$$

$$TL_{kh \max} = 550.000 \text{ đồng} + 550.000 \text{ đồng} \times \frac{8,94\%}{100\%} \times 0,8 \\ = 589.336 \text{ đồng/người-tháng.}$$

Khi Nhà nước điều chỉnh tăng mức lương tối

thiểu chung thì phần chênh lệch tăng thêm của mức lương tối thiểu nhân với hệ số lương cấp bậc công việc bình quân (kể cả khoản phụ cấp nếu có) được cộng thêm trong tiền lương bình quân kế hoạch tối đa của doanh nghiệp để xây dựng đơn giá tiền lương.

*Ví dụ 12:* Năm 2001, Nhà nước điều chỉnh mức lương tối thiểu chung từ 180.000 đồng/tháng lên 210.000 đồng/tháng (tăng thêm 30.000 đồng/tháng), hệ số lương cấp bậc công việc bình quân (kể cả các hệ số phụ cấp lương được tính trong đơn giá tiền lương) của doanh nghiệp là 2,5 thì năm 2001 doanh nghiệp được cộng thêm 30.000 đồng/tháng  $\times 2,5 = 75.000$  đồng/tháng trong tiền lương bình quân kế hoạch tối đa để xây dựng đơn giá tiền lương.

Theo các ví dụ 9, 10 và 11 nói trên thì tiền lương bình quân kế hoạch tối đa để xây dựng đơn giá tiền lương của doanh nghiệp năm 2001 là:

$$472.973 \text{ đồng} + 75.000 \text{ đồng} = 547.973 \text{ đồng/} \\ \text{tháng (ví dụ 9)}$$

$$550.000 \text{ đồng} + 75.000 \text{ đồng} = 625.000 \text{ đồng/} \\ \text{tháng (ví dụ 10)}$$

$$589.336 \text{ đồng} + 75.000 \text{ đồng} = 664.336 \text{ đồng/} \\ \text{tháng (ví dụ 11).}$$

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Việc xác định tốc độ tăng năng suất lao động bình quân và tốc độ tăng tiền lương bình quân theo hướng dẫn tại Thông tư này chỉ để xác định tiền lương bình quân kế hoạch tối đa của doanh nghiệp khi xây dựng đơn giá tiền lương trình cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý thẩm định.

Sau khi đơn giá tiền lương đã thẩm định và



được xác định, hết năm việc quyết toán quỹ tiền lương thực hiện của doanh nghiệp không phải xem xét lại quan hệ giữa năng suất lao động bình quân với tiền lương bình quân, nghĩa là năng suất lao động bình quân thực tế đạt được có thể cao hoặc thấp hơn năng suất lao động bình quân kế hoạch thì không điều chỉnh lại đơn giá tiền lương, quyết toán quỹ tiền lương thực hiện theo đơn giá tiền lương đã được xác định.

**2.** Căn cứ vào các nội dung hướng dẫn tại Thông tư này, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty 91/TTg và 90/TTg chỉ đạo các doanh nghiệp thực hiện theo đúng quy định.

**3.** Giám đốc (Tổng Giám đốc) doanh nghiệp chỉ đạo các bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm khi xây dựng đơn giá tiền lương và quỹ tiền lương kế hoạch phải gắn với việc xác định tốc độ tăng năng suất lao động bình quân, tốc độ tăng tiền lương bình quân và các điều kiện theo quy định để trình cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý thẩm định, giao đơn giá tiền lương.

**4.** Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2001.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các doanh nghiệp nhà nước phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, giải quyết./.

Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

NGUYỄN THỊ HẰNG

## BỘ Y TẾ

### **THÔNG TƯ số 01/2001/TT-BYT ngày 19/1/2001 hướng dẫn việc xét cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh được phẩm.**

*Căn cứ Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân ngày 11 tháng 7 năm 1989;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10 ngày 12/6/1999; Nghị định số 02/2000/NĐ-CP ngày 03/2/2000 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh và Nghị định số 03/2000/NĐ-CP ngày 03/2/2000 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 11/1999/NĐ-CP ngày 03/3/1999 của Chính phủ về hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện; hàng hóa, dịch vụ thương mại hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện;*

*Căn cứ Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân; Nghị định số 06/CP ngày 29/1/1994 của Chính phủ cụ thể hóa một số Điều trong Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân;*

*Bộ Y tế hướng dẫn việc xét cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh được phẩm cho cá nhân kinh doanh được phẩm,*

#### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.** Chứng chỉ hành nghề kinh doanh được phẩm (gọi tắt là chứng chỉ hành nghề được) là văn bản do Bộ Y tế, Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp cho cá nhân có đủ trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp và đạo đức hành nghề để thực hiện kinh doanh được phẩm theo quy định của Luật Doanh nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam.